

Bản án số: 36/2019/HSST
Ngày 30 - 7 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Bà Hoàng Thị Thu Hà

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hữu Phương và ông Lý Văn Vịnh

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Hùng Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2019/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2019/QĐXXST- HS ngày 16/7/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1972 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Đắc Nông; trình độ văn hoá: 07/12; nghề nghiệp: Làm Nông; con ông Nguyễn Trọng B (đã chết) và bà Trương Thị A; có vợ là Đào Thị Kim C và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, tại ngoại; có mặt.

Bị hại: Anh Nguyễn Văn T.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Đắc Nông.

Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Vũ Văn D
2. Anh Nguyễn Đức V;
3. Đỗ Văn Đ1;
4. Nguyễn Đình D2;
5. Phạm Văn T.
6. Lê Trí T1;
7. Phạm Thị V;
8. Đào Thị Kim C;
9. Vũ Văn N;
10. Nguyễn Thị L.
11. Nguyễn Văn H;
12. Lê Văn T1;
13. Huỳnh Nhâm T2.

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng giữa năm 2015, trong quá trình mua bán rau với nhau thì giữa Nguyễn Trọng Đ và anh Nguyễn Văn T xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc anh Nguyễn Văn T có một vài lần chửi và xúc phạm Nguyễn Trọng Đ. Sau đó, Nguyễn Trọng Đ đi làm ăn ở địa phương khác thỉnh thoảng mới về thăm nhà và kể từ đó giữa hai người không gặp nhau và cũng không phát sinh mâu thuẫn gì khác.

Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 18/11/2018, gia đình ông Vũ Văn D tại thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông, tổ chức liên hoan mừng về nhà mới nên có mời một số anh em là người hàng xóm và người thân đến dự trong đó có Nguyễn Trọng Đ và anh Nguyễn Văn T. Khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, trong lúc đang ngồi uống rượu thì anh Nguyễn Văn T cầm ly rượu đi vào bàn tiệc đặt trong phòng khách để mời một số người trong đó có Nguyễn Trọng Đ. Tại bàn tiệc giữa các bên không có mâu thuẫn gì, mọi người tại đó chứng kiến không ai thấy hai bên có lời qua tiếng lại. Chỉ có khi T sang mời rượu thì tất cả bàn đều uống còn Đ không uống và cũng không nói gì. Sau khi mời rượu xong thì anh Nguyễn Văn T về bàn của mình ngồi còn Nguyễn Trọng Đ ngồi thêm được khoảng 15 phút thì xin phép cả bàn đi về nhà nghỉ. Khi về nhà Nguyễn Trọng Đ nghĩ rằng anh Nguyễn Văn T đã xúc phạm mình trong lúc mời rượu cũng như nghĩ tới những lần bị anh Nguyễn Văn T chửi và xúc phạm mình trước đó nên đã lấy từ nhà 01 con dao phát (dài 97cm; cán bằng tre dài 70cm, đường kính 3,5cm; lưỡi dao bằng kim loại màu xanh – đen dài 27cm, mũi bằng, bản rộng nhất 7cm, bản hẹp nhất 3,7cm) chạy đến vị trí anh Nguyễn Văn T đang ngồi, dùng dao chém liên tiếp 03 nhát từ phía sau làm cho anh T không kịp phản ứng, cũng như không ai kịp thời ngăn cản, trong đó nhát thứ nhất trúng vào vùng thái dương má phải, nhát thứ hai trúng vào sau tai phải và nhát thứ ba trúng vào vùng lưng của anh Nguyễn Văn T gây thương tích. Sau khi gây thương tích cho anh T thì Nguyễn Trọng Đ vứt dao xuống đất và bỏ chạy thì bị một số người đuổi theo dùng tay, chân đâm đá vào người Nguyễn Trọng Đ (không gây thương tích gì) nhưng Nguyễn Trọng Đ vẫn bỏ chạy thoát còn anh Nguyễn Văn T được gia đình đưa đi cấp cứu tại bệnh viện.

Tại Bản kết luận pháp y thương tích số số 49/TgT ngày 12/02/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Nông kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Văn T như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương vùng thái dương – má phải, đứt các nhánh của thần kinh VII (trừ nhánh cổ), đã được khâu nối hiện tại vẫn còn di chứng liệt mặt phải.

- Nứt sọ vùng thái dương phải.

- Gãy cung tiếp xương gò má phải.

- Gãy cành cao xương hàm dưới phải.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là:

- Tổn thương không hoàn toàn thần kinh sọ số VII bên phải, tỷ lệ 20%.

- Nứt vỡ xương vòm sọ, chiều dài đường nứt dưới 3cm, tỷ lệ 8% cộng lùi = 6,4%.

- Gãy cung tiếp gò má phải, can tốt, tỷ lệ 8% cộng lùi = 5,88%.
- Gãy xương hàm dưới phải can tốt, tỷ lệ 8% cộng lùi = 5,41%.
- Sẹo vết thương phần mềm số lượng ít, kích thước lớn, tỷ lệ 9% cộng lùi = 5,60%.
- Đứt ống Stenon sau khâu nối không để lại di chứng, tỷ lệ 0%.
- Tổng tỷ lệ: 43,29%, làm tròn = 43% (bốn mươi ba phần trăm).

3. Kết luận khác: Các vết thương tại vùng đầu mặt là do bị chém bằng vật sắc, còn vết sẹo tại cẳng chân trái là sẹo mổ lấy sợi thần kinh Sural để ghép nối các nhánh thần kinh VII phải bị đứt.

Tại bản cáo trạng số 39/CTr-VKS ngày 01/7/2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song đã truy tố Nguyễn Trọng Đ về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Trọng Đ về tội “Cố ý gây thương tích”. Sau khi xem xét, đánh giá các tình tiết định khung, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng Đ phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”; áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng Đ từ 06 (sáu) năm đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Việc bồi thường thiệt hại: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự đề nghị chấp nhận việc Nguyễn Trọng Đ đã thỏa thuận bồi thường một phần thiệt hại về sức khỏe cho anh Nguyễn Văn T số tiền 30.000.000 đồng. Buộc Nguyễn Trọng Đ phải tiếp tục bồi thường các thiệt hại hợp lý về sức khỏe cho anh Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật.

Việc xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 con dao phát (dài 97cm; cán bằng tre dài 70cm, đường kính 3,5cm; lưỡi dao bằng kim loại màu xanh – đen dài 27cm, mũi bằng, bản rộng nhất 7cm, bản hẹp nhất 3,7cm).

Bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ xin Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại: Yêu cầu HĐXX xét xử bị cáo về hình phạt là theo quy định của pháp luật và buộc bồi thường cho anh Nguyễn Văn T tổng số tiền gồm chi phí điều trị, tiền xe, tiền ngày công lao động, tổn thất tinh thần là 271.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi một triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Vào khoảng 19h30’ ngày 18/11/2018, tại nhà ông Vũ Văn D tại thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Đắk Nông, chỉ vì nguyên do nhỏ nhặt trong cuộc sống trước đây mà Nguyễn Trọng Đ đã có hành vi dùng 01 con dao phát (dài 97cm; cán bằng tre dài 70cm, đường kính

3,5cm; lưỡi dao bằng kim loại màu xanh – đen dài 27cm, mũi bằng, bản rộng nhất 7cm, bản hẹp nhất 3,7cm) chém từ phía sau vào vùng thái dương phải, vùng sau tai phải và vùng lưng của Nguyễn Văn T gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 43% (bốn mươi ba phần trăm).

Theo hướng dẫn tại tiểu mục 3.1 mục 3 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/05/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội thuộc T hợp “dùng hung khí nguy hiểm”; giữa bị cáo và người bị hại chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống, sau khi uống rượu do không làm chủ được bản thân và nghĩ lại những mâu thuẫn trước đây bị cáo đã về nhà lấy dao sang chém liên tiếp 03 nhát từ phía sau anh T làm cho anh T không kịp phản ứng, mọi người có mặt tại nhà ông D không kịp ngăn cản, sau khi chém đã bỏ chạy mặc lại hậu quả xảy ra. Vì vậy, hành vi của bị cáo thể hiện coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe của anh T nên hành vi phạm tội của Đ “có tính chất côn đồ” được quy định tại các điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Với tình tiết định khung tăng nặng và hậu quả thương tích mà bị cáo đã gây ra cho bị hại thì hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1, khoản 3 Điều 104 BLHS quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các T hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm;

...

i) Có tính chất côn đồ;

3. Phạm tội thuộc một trong các T hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31% đến 60% nhưng thuộc một trong các T hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này;

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Tại thời điểm xảy ra sự việc giữa bị cáo và bị hại không mâu thuẫn gì nhưng sau khi anh T sang mời rượu bàn bị cáo, do nghĩ lại những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống trước đây mà bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại 43% sức khỏe. Nguyên nhân gây thương tích là do bị cáo đã uống rượu nên không làm chủ được bản thân, mục đích bị cáo chém là để gây thương tích cho anh T, do trời tối nên bị cáo không nhằm vào vị trí nào để chém anh T mà chỉ giơ dao lên chém liên tục và trúng vào vị trí nào thì bị cáo cũng không biết. Khi thấy máu chảy bị cáo sợ mới bỏ dao chạy thoát. Hành vi gây thương tích của Đ thể hiện tính coi thường pháp luật, xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác nên được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo gây ra, cũng như nhằm mục đích răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại số tiền 30.000.000 đồng; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, từ trước đến ngày phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo có bố là ông Nguyễn Trọng B được nhà nước tặng thưởng Huân chương

kháng chiến chống Mỹ. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng các quy định trên để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Xét quan điểm và đường lối xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song là có căn cứ phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về việc bồi thường thiệt hại: Anh Nguyễn Văn T yêu cầu Nguyễn Trọng Đ phải bồi thường số tiền 271.000.000 đồng bao gồm tiền viện phí điều trị, tiền xe đi lại, tiền công lao động cho 01 người chăm sóc, tiền công do mất khả năng lao động, tiền tổn thất về tinh thần. Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại của anh Nguyễn Văn T có một phần là có căn cứ, tuy nhiên, có một số yêu cầu là quá cao, còn một số yêu cầu không có chứng cứ chứng minh. Vì vậy, để có căn cứ buộc bị cáo bồi thường, Hội đồng xét xử nhận định đối với từng yêu cầu như sau:

- Đối với chi phí hợp lý trong quá trình điều trị tại Bệnh viện huyện Đ, Bệnh viện tỉnh Đ và Bệnh viện Răng hàm mặt TP. M có hóa đơn thu viện phí đơn thuốc điều trị theo hồ sơ bệnh án của bác sỹ từ ngày 18/11/2018 đến ngày ra viện là 06/12/2018 và các đợt tái khám theo yêu cầu của bác sỹ điều trị, theo bảng kê chi phí của Bệnh viện Răng hàm mặt thể hiện anh T phải nộp số tiền 44.646.138 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

- Đối với tiền xe cấp cứu từ Trạm y tế xã đi Bệnh viện huyện Đ là 500.000 đồng; tiền xe chuyển viện từ Bệnh viện huyện Đ đi Bệnh viện tỉnh Đ là 1.000.000 đồng; Tiền xe chuyển từ bệnh viện tỉnh Đ đi Bệnh viện răng hàm mặt TP. M là 4.300.000 đồng là có phiếu thu tiền; còn lại không có hóa đơn, hợp đồng nhưng đối chiếu hồ sơ bệnh án về trình trạng sức khỏe, thủ tục chuyển viện, tỷ lệ tổn thương thì việc thuê xe chuyển bệnh nhân là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu tổng số tiền là 5.800.000 đồng (năm triệu tám trăm nghìn đồng).

- Đối với tiền xe đi về của 02 người tại Bệnh viện răng hàm mặt khi ra viện vào ngày 06/12/2018; tiền xe 05 lần đi tái khám của 02 người cho các chuyến đi – về không có hóa đơn, vé. Tuy nhiên, theo giá xe thị trường tại thời điểm đó, đi xe giường nằm thì mỗi lần đi có giá là $200.000đ \times 11 \text{ chuyến} \times 02 \text{ người} = 4.400.000 \text{ đồng}$.

- Đối với số tiền công lao động phổ thông tại địa phương cho người chăm sóc trong thời gian anh T điều trị là: $01 \text{ người} \times 19 \text{ ngày} \times 200.000đ / 01 \text{ ngày} = 3.800.000đ$.

- Tiền công lao động phổ thông tại địa phương cho bị hại anh T trong thời gian điều trị từ ngày 18/11/2018 đến ngày 06/12/2018 là 19 ngày, cụ thể $19 \text{ ngày} \times 200.000đ / 01 \text{ ngày} = 3.800.000 \text{ đồng}$.

- Đối với tiền công không lao động được anh T yêu cầu 06 tháng là nhiều hơn so với thời gian bác sỹ chỉ định anh T phải đi tái khám. Vì vậy, căn cứ chứng cứ đi tái khám của bác sỹ thể hiện trong hồ sơ bệnh án cung cấp từ ngày 07/12/2018 đến 05/3/2019 nên chấp nhận một phần yêu cầu là 04 tháng, do anh T không cung cấp chứng cứ gì khác cho việc mất thu nhập nên Tòa án căn cứ vào tình hình lao động phổ thông tại địa phương mỗi tháng là $4.000.000đ / \text{tháng} \times 04 \text{ tháng} = 16.000.000đ$.

- Đối với số tiền tổn thất về tinh thần, anh T yêu cầu 150.000.000 đồng là quá cao so với thương tật bị cáo gây ra cho anh T nên xét thấy chỉ chấp nhận yêu cầu số tiền tổn thất về tinh thần là 30 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định là $30 \text{ tháng} \times 1.390.000đ / \text{tháng} = 41.700.000 \text{ đồng}$.

- Đối với yêu cầu số tiền bồi thường phẫu thuật, chỉnh hình vết thương là 30.000.000 đồng, anh T trình bày số tiền này là anh chưa điều trị nên không có chứng cứ. Vì vậy, tại

phiên tòa anh rút đối với yêu cầu này khi nào điều trị có chứng cứ anh khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định.

Vậy tổng số tiền anh T được chấp nhận theo như phân tích trên là: 120.146.138 đồng (Một trăm hai mươi triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm ba mươi tám đồng).

Do bị cáo Nguyễn Trọng Đ đã tự nguyện bồi thường cho anh T được số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) nên bị cáo Nguyễn Trọng Đ còn phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền còn lại là 90.146.138 đồng (làm tròn 90.146.000đ (Chín mươi triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn đồng)).

[9] Về vật chứng của vụ án: Đối với hung khí bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy 01 con dao phát (dài 97cm; cán bằng tre dài 70cm, đường kính 3,5cm; lưỡi dao bằng kim loại màu xanh – đen dài 27cm, mũi bằng, bản rộng nhất 7cm, bản hẹp nhất 3,7cm).

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng Đ 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về việc bồi thường thiệt hại: Áp dụng các Điều 585, Điều 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận việc bị cáo Nguyễn Trọng Đ đã tự nguyện bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Văn T số tiền 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng chẵn*) đồng. Buộc bị cáo Nguyễn Trọng Đ tiếp tục bồi thường các chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, phục hồi, lao động bị giảm và các chi phí hợp lý khác cho anh Nguyễn Văn T số tiền còn lại là 90.146.000đ (*Chín mươi triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các T hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao phát (dài 97cm; cán bằng tre dài 70cm, đường kính 3,5cm; lưỡi dao bằng kim loại màu xanh – đen dài 27cm, mũi bằng, bản rộng nhất 7cm, bản hẹp nhất 3,7cm).

(Đặc điểm vật chứng như biên bản bàn giao giữa cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song ngày 01/7/2019).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, điểm b khoản 1 Điều 24 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Trọng Đ phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 4.507.300 đồng (làm tròn 4.507.000đ (bốn triệu năm trăm linh bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- CA tỉnh Đ(PV06).
- VKSND huyện Đắk Song;
- CA huyện Đắk Song;
- Chi cục THA DS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà